

Số /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun
thuộc dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun, tỉnh Kon Tum**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3189/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021, số 1957/QĐ-BNN-KH ngày 18/5/2023 về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Văn bản số 1895/UBND-HTKT ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ý kiến về nội dung đầu tư, Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun, tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 29/TTr-BQL ngày 21/7/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun, tỉnh Kon Tum, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các Báo cáo số 1145/BC-XD-TĐ ngày 26/7/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun thuộc dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần số 01 - Hồ chứa nước Ia Tun thuộc dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư hợp phần xây dựng và Bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu: Khai thác hiệu quả nguồn nước suối Đăk Tral để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và tạo nguồn phục vụ cấp nước sinh hoạt thuộc huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

b) Nhiệm vụ: Cấp nước tưới cho 500ha đất canh tác nông nghiệp, gồm: 100ha lúa, 250ha cây cà phê, 150ha hoa màu, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 5.000 người.

c) Nội dung, quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới hồ chứa điều tiết năm và hệ thống đường ống dẫn nước về khu hưởng lợi.

- Vùng tuyến:

+ Công trình đầu mối: Vùng tuyến 1 (vùng tuyến hạ lưu);

+ Hệ thống dẫn nước: Tuyến ống chính điểm đầu tại sau cống lấy nước tại hồ chứa, đi song song với suối Đăk Trai, dài khoảng 0,84km; tuyến ống chính Bắc điểm đầu tại cuối ống chính đi dọc khu tưới theo hướng Bắc dài khoảng 1,8km; tuyến ống chính Nam điểm đầu tại cuối ống chính đi dọc khu tưới theo hướng Nam dài khoảng 7,3km; các tuyến ống nhánh xuất phát từ ống chính rẽ ra 2 bên khu tưới.

- Quy mô và giải pháp kỹ thuật: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

+ Hồ chứa: Diện tích lưu vực $F_{LV}=19,0\text{km}^2$; dung tích toàn bộ $W_{tb} = 2,04$ triệu m^3 ; dung tích hữu ích $W_{hi}=1,76$ triệu m^3 , dung tích chết $W_c = 0,28$ triệu m^3 ; các mực nước thiết kế: MNC +696,00m, MNDBT +712,00m.

+ Đập đất: Chiều dài đỉnh 202,4m, chiều rộng đỉnh 6,0m, chiều cao lớn nhất $H_{\max}=34,0\text{m}$, cao trình đỉnh đập +714,5m; kết cấu gồm 03 khối: Khối thượng lưu, $\gamma_{\text{tkk}} \geq 1,71\text{T/m}^3$, độ chặt $K_C \geq 0,97$, hệ số thấm $K_T \leq 5 \times 10^{-5}\text{cm/s}$; khối giữa, $\gamma_{\text{tkk}} \geq 1,69\text{T/m}^3$, độ chặt $K_C \geq 0,95$, hệ số thấm $K_T \leq 2 \times 10^{-5}\text{cm/s}$; khối hạ lưu $\gamma_{\text{tkk}} \geq 1,69\text{T/m}^3$, độ chặt $K_C \geq 0,97$; tiêu nước thân đập: Dạng ống khói cát, dẫn nước từ ống khói về lắng trụ đá hạ lưu bằng các dải lọc; nền đập xử lý chống thấm bằng khoan phụt vữa xi măng.

+ Tràn xả lũ: Vị trí đặt bên vai trái đập; hình thức tràn có cửa, kết cấu BTCT, kích thước $n \times (B \times H) = 2 \times (5,0 \times 5,5) \text{m}$, cao trình ngưỡng $+706,50 \text{m}$; tiêu năng dốc nước kết hợp bể tiêu năng; lưu lượng xả lũ: Lũ thiết kế $Q_{tk(1\%)} = 257,18 \text{m}^3/\text{s}$; lũ kiểm tra $Q_{kt(0,2\%)} = 368,34 \text{m}^3/\text{s}$.

+ Công lấy nước: Vị trí đặt bên vai trái; cống ngầm chảy có áp, cao trình ngưỡng $+694,20 \text{m}$, dài $155,40 \text{m}$ (từ cửa vào đến hết nhà van hạ lưu), đoạn trước nhà tháp van kích thước $B \times H = (1,0 \times 1,2) \text{m}$, kết cấu BTCT, đoạn sau nhà tháp van bằng ống thép $D = 1.000 \text{mm}$ bọc BTCT; lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,414 \text{m}^3/\text{s}$.

+ Hệ thống dẫn nước: Tổng chiều dài đường ống $34,30 \text{km}$, kết cấu ống HDPE, trong đó: Ống chính dài $0,84 \text{km}$, $Q_{tk} = 0,326 \text{m}^3/\text{s}$, $D = 630 \text{mm}$; ống chính Bắc dài $1,80 \text{km}$, $Q_{tk} = 0,070 \text{m}^3/\text{s}$, $D = (200 \div 315) \text{mm}$; ống chính Nam dài $7,26 \text{km}$, $Q_{tk} = 0,256 \text{m}^3/\text{s}$, $D = (225 \div 560) \text{mm}$; ống cấp dưới gồm 62 tuyến, tổng chiều dài $24,4 \text{km}$, $D = (110 \div 200) \text{mm}$; Công trình trên đường ống, gồm: Hồ van điều tiết, cấp nước; hồ van tưới; hồ van xả khí; hồ van xả cạn; mố néo, cống qua đường, tràn băng,...

d) Hệ thống thiết bị cơ khí, điện, quan trắc, giám sát:

- Thiết bị cơ khí chính:

+ Tràn xả lũ: 02 cửa van phẳng, kích thước $B \times H = (5,3 \times 5,8) \text{m}$, vận hành bằng tời điện sức nâng 10 tấn; 01 bộ phai thép, vận hành bằng pa lăng điện sức nâng 5T.

+ Cống lấy nước: Lưới chắn rác; van phẳng (van sửa chữa) kích thước $B \times H = (1,15 \times 1,35) \text{m}$ đóng mở bằng máy vít VĐ10; 01 van điều tiết, 01 van lọc Y; 01 van điều tiết nhánh xả môi trường, 01 pa lăng điện sức nâng 3,0T (tại tháp van thượng lưu), 01 pa lăng kéo tay sức nâng 1,0T (tại nhà van hạ lưu).

+ Hệ thống đường ống, gồm: 261 van điều tiết, cấp nước; 29 van xả cạn; 65 van thu, xả khí và hệ thống van tưới $D50 \text{mm}$.

- Hệ thống điện:

+ Đường dây 22KV, dài $2,74 \text{km}$ (điểm đầu tại BT373/4 – 481/BOY, điểm cuối tại trạm biến áp tại đầu đập vai phải); 01 trạm biến áp 100kVA-22/0,4kV, đặt tại vai phải tràn.

+ Hệ thống điện chiếu sáng và phục vụ quản lý vận hành khu đầu mối (bao gồm 01 máy phát dự phòng, công suất 75KVA).

- Hệ thống quan trắc: Quan trắc mực nước, chuyển vị, thấm,...

- Hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada), cảnh báo lũ hạ du.

e) Công trình phục vụ quản lý, vận hành:

- Đường quản lý vận hành: Tổng chiều dài $2,32 \text{km}$, đường GTNT cấp A, bề rộng nền đường $6,0 \text{m}$, bề rộng mặt đường $3,50 \text{m}$, bề rộng lề $(2 \times 1,25) \text{m}$; kết cấu áo đường BTXM.

- Đường tránh ngập lòng hồ: Chiều dài 1,16km, đường GTNT cấp C miền núi, bề rộng nền đường 4,0m, bề rộng mặt đường 3,0m, kết cấu áo đường cấp phối đá dăm.

- Khu nhà quản lý: Đặt bên bờ trái đập, diện tích khuôn viên 600m², nhà quản lý nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 160m², kết cấu khung, dầm BTCT.

f) Tổ chức xây dựng và công trình phục vụ thi công:

- Biện pháp dẫn dòng: Dẫn dòng thi công qua lòng suối tự nhiên, kênh dẫn dòng và cống lấy nước.

- Công trình phục vụ thi công, gồm: Đường thi công, đê quai, bãi trữ, bãi thải, mặt bằng thi công, kênh dẫn dòng,..., cụ thể:

+ Công trình đầu mối: Kênh dẫn dòng, dài khoảng 215,0m; đê quai dài khoảng 550m; đường thi công dài khoảng 2,33km; bãi thải, bãi trữ diện tích khoảng 4,34ha; mặt bằng thi công, diện tích khoảng 0,9ha;

+ Hệ thống đường ống: Đường thi công sử dụng các tuyến đường hiện hữu trong đó cải tạo nâng cấp 05 tuyến, tổng chiều dài khoảng 1,39km; 01 bãi thải diện tích khoảng 1,12ha.

g) Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Công trình đầu mối	Hệ thống đường ống	Tổng
1	Đất, đá đào các loại	m ³	775.667	59.026	834.693
2	Đất đắp các loại	m ³	522.276	30.560	552.836
3	Cát đắp các loại	m ³	18.654	2.352	21.006
4	Đá dăm các loại	m ³	9.254	-	9.254
5	Đá hộc	m ³	5.274	500	5.774
6	Bê tông các loại	m ³	16.407	1.548	17.955
7	Thép các loại	tấn	667	80	747
8	Ống HDPE	m	-	34,3	34,3

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Liên danh Công ty TNHH Tư Vấn trường Đại học Thủy Lợi và Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kom Tum.
- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 59,20ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình và tần suất thiết kế:
- + Cấp công trình: Công trình đầu mối cấp II; Hệ thống dẫn nước cấp IV.
- + Tần suất thiết kế: Đảm bảo cấp nước tưới $P=85\%$; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 90% ; lũ thiết kế $1,0\%$, lũ kiểm tra $0,2\%$; dẫn dòng thi công 10% .

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Cụm công trình đầu mối (đập, tràn, cống) thiết kế 03 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công); các hạng mục còn lại (đường quản lý, thi công; khu quản lý; hệ thống dẫn nước, hệ thống điện cao thế và trạm biến áp; hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada) và các công trình phụ trợ,...) thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: 307.662.000.000 đồng *(Ba trăm linh bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu đồng)*

Trong đó:

- Phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	34.594.236.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	190.847.374.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	7.782.421.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	4.412.510.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	24.975.021.000 đồng
- Chi phí khác:	9.656.088.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	35.394.794.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Sử dụng nguồn vốn NSTW do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý bố trí cho dự án Cụm hồ Đắc Rô Gia - Ia Tun trong giai đoạn 2021-2025 là 510 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng cụm công trình đầu mối, lòng hồ, đường quản lý, thi công, khu phụ trợ, hệ thống dẫn nước, bãi vật liệu, bãi trữ, bãi thải,.. tổng cộng khoảng 59,20ha.

Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Diện tích từng loại đất hồi: Đất trồng cây lâu năm 10,44ha; đất trồng cây hàng năm 27,78ha; đất trồng lúa 6,36ha; đất lâm nghiệp (không có rừng) 5,83ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,01ha, đất ở nông thôn 0,23ha, đất khác 8,55ha.

- Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng 400 hộ, số hộ di dời 0 hộ.

- Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT- BTC ngày 5/10/2022 của Bộ Tài chính và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan theo quy định.

14. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đặc điểm của công trình, trong đó cần khảo sát đánh giá kỹ hiện tượng nước áp lực tại hố khoan HK1-6 để có biện pháp xử lý phù hợp (nếu cần).

- Tối ưu quy mô các công trình phục vụ thi công; thiết kế chi tiết biện pháp thi công để đảm bảo an toàn, hiệu quả, đáp ứng tiến độ.

- Cụm đầu mối:

+ Khảo sát, đánh giá kỹ trữ lượng, chất lượng vật liệu đất đắp để tối ưu kết cấu đập và các chỉ tiêu đất đắp; rà soát tận dụng tối đa đất đào móng công trình, khai thác tại các bãi vật liệu trong lòng hồ.

+ Tối ưu giải pháp dẫn dòng thi công sau công kết hợp với dẫn nước về hạ du phục sản xuất trong thời gian chưa thi công hoàn thành hệ thống kênh.

+ Nghiên cứu vi chỉnh tuyến tràn, tuyến cống giảm khối lượng đào, phù hợp với điều kiện địa chất công trình.

+ Tối ưu hóa kích thước, kết cấu công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, giảm chi phí đầu tư.

- Hệ thống dẫn nước:

+ Rà soát tối ưu tuyến, kết cấu (thép, HDPE, Composit cốt sợi thủy tinh,...) để so chọn đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

+ Rà soát số lượng, vị trí các công trình, thiết bị trên đường ống (van điều tiết, van cấp nước, van xả khí, van xả cặn, tràn băng,...) phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo an toàn, ổn định và thuận lợi trong vận hành, công trình; rà soát hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước mặt, gia cố bảo vệ các mái đào đắp chiều cao lớn.

- Tổ chức lập, phê duyệt Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Kon Tum:

- Chỉ đạo đơn vị Chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư tổ chức (i) lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan...), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) bảo vệ phạm vi mặt bằng đã bàn giao cho đến khi công trình đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán chi phí Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; quản lý khu tưới đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt, tránh trường hợp chồng lấn các quy hoạch khác;

- Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Đơn vị quản lý, khai thác tiếp nhận bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào vận hành khai thác theo quy định;

- Chỉ đạo các ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, an toàn và hiệu quả.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

3. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Kon Tum;
- Kho bạc NN Kon Tum;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp